

| STT | SBD      | Họ và Tên            | Khối   | Lop | Diem  |
|-----|----------|----------------------|--------|-----|-------|
| 1   | 10672442 | Lê Anh Dũng          | Khối 1 | 1A7 | 5,140 |
| 2   | 10554490 | Nguyễn Nguyên Khôi   | Khối 1 | 1A7 | 4,840 |
| 3   | 10695628 | Phạm Chí Cường       | Khối 1 | 1A7 | 4,140 |
| 4   | 10568112 | Đỗ Hạnh An           | Khối 1 | 1A7 | 4,120 |
| 5   | 10586234 | Phạm Nguyễn Thái Sơn | Khối 1 | 1A7 | 3,530 |
| 6   | 10557035 | Hoàng Phạm Gia Hân   | Khối 1 | 1A7 | 3,360 |
| 7   | 10586987 | Đoàn Gia Hưng        | Khối 1 | 1A7 | 3,090 |
| 8   | 10562233 | Phạm Hoàng Gia Định  | Khối 1 | 1A7 | 1,780 |
| 9   | 10757824 | Phạm Tuấn Sơn        | Khối 1 | 1A7 | 0     |
| 10  | 10578605 | Từ Ngọc Minh Châu    | Khối 1 | 1A7 | 0     |
| 11  | 10665777 | Bùi Nhật Bảo         | Khối 1 | 1A7 | 0     |